

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2018/HSST**

Ngày: 05/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Cao Thị Hồng Minh**

2. Bà **Hoàng Cúc Phương**

Thư ký Tòa án: Ông **Bùi Minh Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2018/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HS ngày 25/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **LÊ VĂN V**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/6/1993 tại Điện Biên;

Nơi đăng ký NKTT: Tổ dân phố 5, phường T Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường Th B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lê Văn Kh, sinh năm 1960 và con bà: Trịnh Thị L, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN C**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/1/1997 tại huyện S M, tỉnh S L;

Nơi đăng ký NKTT: Bản H S, xã Ch Kh, huyện S M, tỉnh S L; Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, phường Th B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Dương Văn K, sinh năm 1973 và con bà: Lê Thị Th, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*. Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn C có ông Đỗ Thế Điệp – Văn phòng Luật sư Thế Điệp tỉnh Điện Biên. (có mặt).

*. Người bị hại: Bà Lò Thị S, sinh năm 1994, trú tại: Bản H S, xã M T, huyện M Ch, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

*. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lò Văn Đ, sinh năm 2003. Người đại diện hợp pháp cho cháu Đ ông Bạc Cầm G, sinh năm 1959, cùng trú tại: B Đ, Thị Trấn T G, huyện T G, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1972, trú tại: Đội 22, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo LÊ VĂN V và Dương Văn C

Vào khoảng 12 giờ ngày 27/6/2018, LÊ VĂN V, Dương Văn C và Lò Văn Đ, sinh ngày 01/4/2003 (15 tuổi 02 tháng 26 ngày), đi về khu nhà trọ tại số nhà 40, tổ dân phố 10, phường Th B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ (nơi V, C, Đ thuê trọ), V nhìn thấy chiếc xe máy Yamaha – Siriusv màu xanh, biển kiểm soát 27F4 – 2258, trên xe có treo chiếc mũ bảo hiểm màu trắng–xanh–đỏ, tổng trị giá xe và mũ bảo hiểm là 2.700.000 đồng của chị Lò Thị S dựng ở sân nhà trọ, V quan sát xung quanh thấy không có người, nên rủ C, Đ trộm cắp chiếc xe mang đi cầm đồ lấy tiền chia nhau, cả ba người cùng đồng ý. V bảo Đ và C cảnh giới để V lấy xe, V dùng chiếc chìa khóa phòng trọ của V mở ổ khóa điện dắt xe ra đường, lấy mũ bảo hiểm đội lên đầu rồi nổ máy điều khiển xe chở Đ và C xuống khu vực xã N H, huyện Đ B, tỉnh Đ để cầm đồ, nhưng không được, cả ba cùng nhau đi chơi điện tử tại quán Internet của chị Phạm Thị Th ở đội 24, xã N H, huyện Đ B. Đến 23 giờ cùng ngày V, Đ, C ra thanh toán tiền chơi điện tử hết 380.000 đồng, do không có tiền trả nên V để lại chiếc xe máy, mũ bảo hiểm và chứng minh nhân dân của V chỗ chị Th, rồi cùng nhau đi bộ về phòng trọ. Ngày 29/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ triệu tập V, C, Đ đến làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo Lê Văn V và Dương Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71 ngày 30/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ xác định: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA Sirius V, màu sơn xanh, biển kiểm soát 27F4 – 2258, số khung 17575, số máy 17575, có một gương chiếu hậu thời trang bên trái, xe đã qua sử dụng có giá 2.640.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu trắng có viền hai bên màu xanh và cam, đã qua sử dụng trị giá 60.000 đồng. Tổng trị giá 2.700.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA Sirius V, màu sơn xanh, biển kiểm soát 27F4 – 2258, số khung 17575, số máy 17575, có một gương chiếu hậu thời trang bên trái, xe đã qua sử dụng có giá 2.640.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu trắng có viền hai bên màu xanh và cam, đã qua sử dụng; 01 giấy phép đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị T, nơi đăng ký NKTT; Đội 5, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên Cơ quan Công an đã trả cho người bị hại Lò Thị S, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cơ quan điều tra đã tạm giữ của V 01 chìa khóa và tạm giữ của bà Th 01 xe máy Yamaha – Siriusv biển kiểm soát 27F4 – 2258; 01 mũ bảo hiểm.

Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy và mũ bảo hiểm cho bà Sinh, bà Sinh không yêu cầu bồi thường; trả cho ông Lê Văn Kiệm 01 chứng minh nhân dân mang (bị cáo V ủy quyền nhận hộ); bà Th không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 380.000 đồng;

Bản cáo trạng số: 59/CT-VKSTPĐBP ngày 13/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lê Văn V và Dương Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Dương Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa màu trắng (có in một mặt chữ T&D).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Quan điểm người bào chữa: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo C được hưởng án treo.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Cho rằng bị cáo C cùng đồng phạm lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc xe máy và mũ bảo hiểm có tổng trị giá 2.700.000 đồng, rồi cùng nhau mang đi cầm cố, như vậy tội phạm đã hoàn thành; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay gia đình bị cáo C không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân huy chương, nên không chấp nhận áp dụng điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

* Quan điểm người bào chữa: Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm không tranh luận gì thêm. Đề nghị HĐXX xem xét.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Vẫn giữ nguyên quan điểm không tranh luận gì thêm. Đề nghị HĐXX xem xét.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Lê Văn V và bị cáo Dương Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Điện Biên Phủ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

2. Xét các hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong ngày 27/6/2018 tại địa bàn thành phố Điện Biên Phủ bị cáo Lê Văn V đã có hành vi rủ Dương Văn C và Lò Văn Đ đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị các bị cáo trộm cắp là 2.700.000 đồng nên đây là tình tiết định tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Hành vi trên của các bị cáo được chứng minh tại: Đơn trình báo của người bị hại; Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Lê văn V và Dương Văn C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Lò Văn Đ thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, khi chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 02 tháng 26 ngày), nên không phải chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy HĐXX không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án.

Trong quá trình phạm tội, các bị cáo không có sự liên kết chặt chẽ trong khi thực hiện tội phạm cũng như việc che dấu tội phạm, nên không có tổ chức mà chỉ là đồng phạm. Bị cáo V là người khởi sự, rủ rê, trực tiếp lấy trộm, nên giữ vai trò chính, bị cáo C là người giúp sức tích cực.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

3. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn V không có nghề nghiệp đua đòi; đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Dương Văn C không có nghề nghiệp do ăn chơi đua đòi; đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

* Người bào chữa đưa ra quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm h, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, cho bị cáo được hưởng mức án treo.

Từ những đề nghị trên:

HĐXX chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Vì Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình;

HĐXX không chấp nhận: Áp dụng điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo vì bản thân bị cáo phạm tội và đã gây thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo có ông nội được nhà nước tặng thưởng huân huy chương gia đình bị cáo không cung cấp được chứng cứ. Do vậy HĐXX không chấp nhận áp dụng điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không đủ căn cứ áp dụng cho bị cáo được hưởng mức án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

4. Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, song xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, nghề nghiệp không ổn định và các bị cáo đi chấp hành án nên không có khả năng thi hành. Do vậy HĐXX không áp dụng các hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA Sirius V, màu sơn xanh, biển kiểm soát 27F4 – 2258, số khung 17575, số máy 17575, có một gương chiếu hậu thời trang bên trái, xe đã qua sử dụng có giá 2.640.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu trắng có viền hai bên màu xanh và cam, đã qua sử dụng; 01 giấy phép đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thị T, nơi đăng ký NKTT; Đội 5, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên Cơ quan Công an đã trả cho người bị hại Lò Thị S, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Tại phiên tòa chị Sinh xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu các bị

cáo bồi thường gì; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật. Xét đề nghị của chị Sinh là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa màu trắng (có in một mặt chữ T&D).

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với ông Lê Văn Kiệm là người được được bị cáo V ủy quyền nhận 01 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn V, ông Kiệm đã nhận, xét không liên quan đến vụ án HĐXX chấp nhận;

Đối với chị Phạm Thị Th đã cho các bị cáo chơi điện tử sau đó các bị cáo không có tiền trả đã để lại chiếc xe máy cho chị Th giữ. Do chị Th không biết chiếc xe máy trên do các bị cáo phạm tội mà có lên cơ quan điều tra không đề cập hướng xử lý. Tại phiên tòa chị Th xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 380.000 đồng và không đề nghị truy thu của các bị cáo sung ngân sách nhà nước. Xét thấy đề nghị của chị Th là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Lê văn V **09 (chín)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/6/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Dương Văn C **06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/6/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa màu trắng (có in một mặt chữ T&D).

Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ ngày 18/9/2018.

- Chấp nhận người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Chấp nhận các biên bản trao trả tài sản ngày 17/8/2018.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo: Lê Văn V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Dương Văn C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/10/2018). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Thanh Yên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Thanh Yên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIỆN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

